CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Quốc tế Phương Anh

Ngày 30/09/2025	4,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	15.8%	**51.7%**	**37.5%**

DT thuần
Q3/25
358
tỷ VNĐ
QoQ: ▼222| -38.2%
YoY: ▲ 126| 54.4%

LN thuần
Q3/25
-0.51
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.80| -112%
YoY: ▼2.06| -133%

LN sau thuế
Q3/25
-1.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.71| -169%
YoY: ▼1.52| -370%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
2.0%
YoY: +/-▼ 0.3%

ROE (TTM)
Q3/25
3.2%
YoY: +/-▼ 0.1%

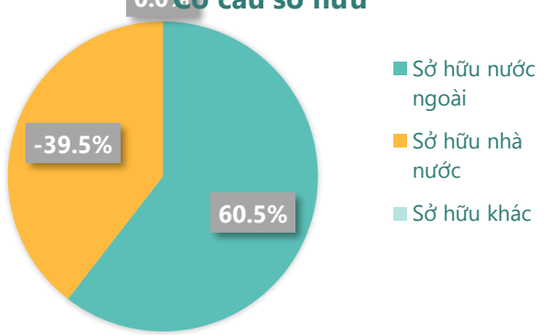
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,300 - 4,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	123
Số lượng CPLH (CP)	28,049,968
KLGD BQ 20 phiên (CP)	249,515
Sở hữu nước ngoài	288.4%
Beta	1.34
EPS	451
P/E	9.8

DT thuần
9T 2025
1,205
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 392| 48.3%

LN thuần
9T 2025
4.36
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.38| -8.2%

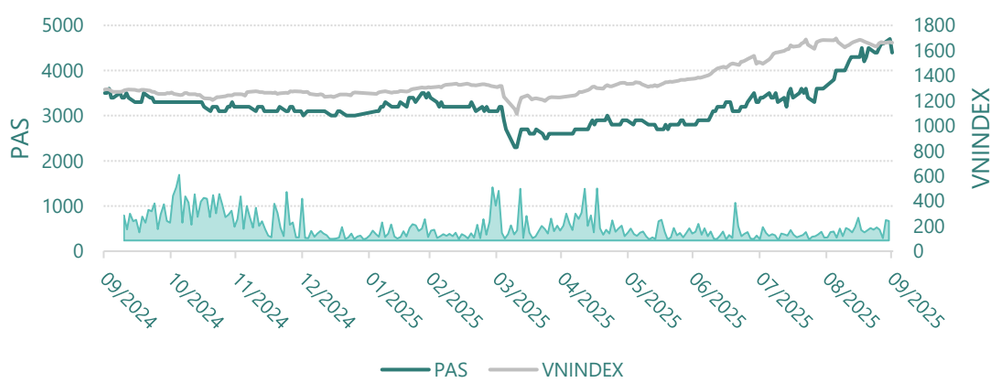
LN sau thuế
9T 2025
0.66
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.56| -70.4%

Cơ cấu sở hữu

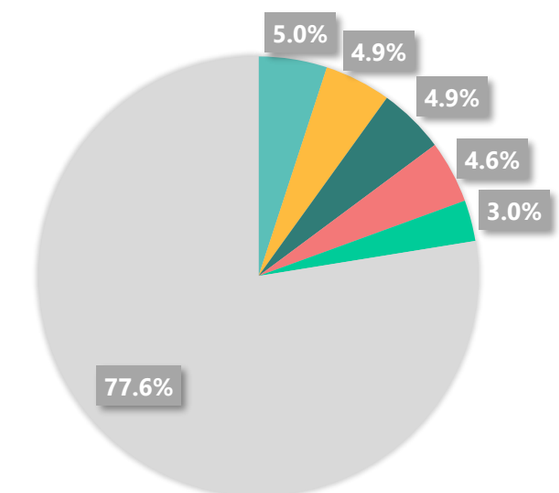


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



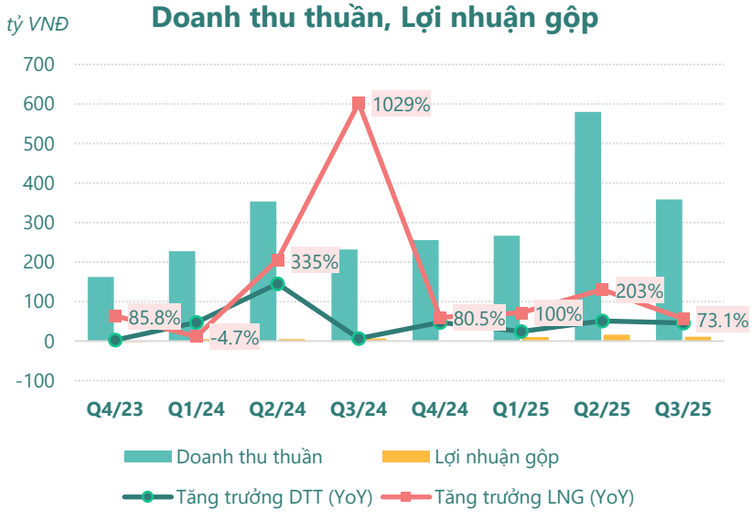
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

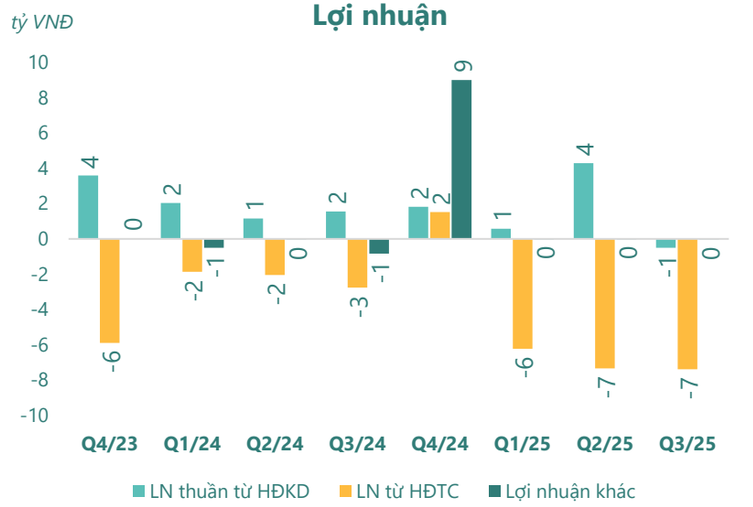
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



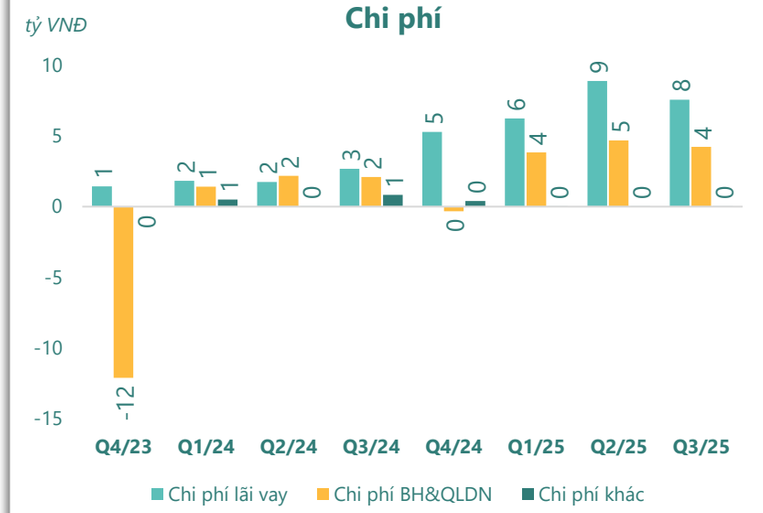
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



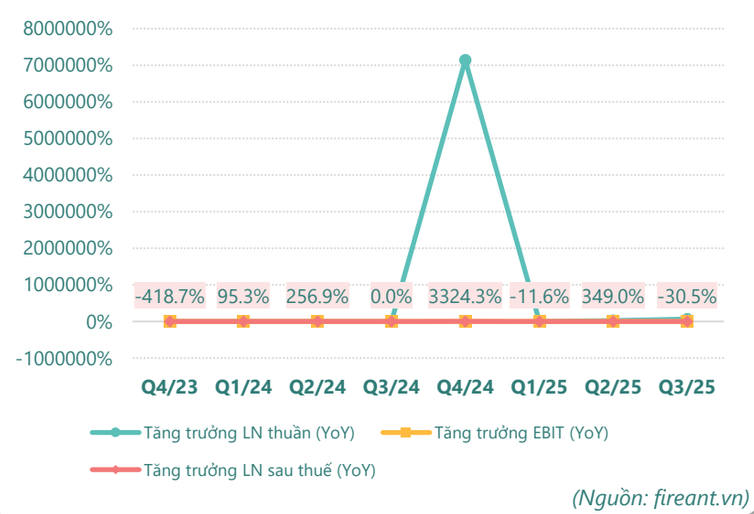
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



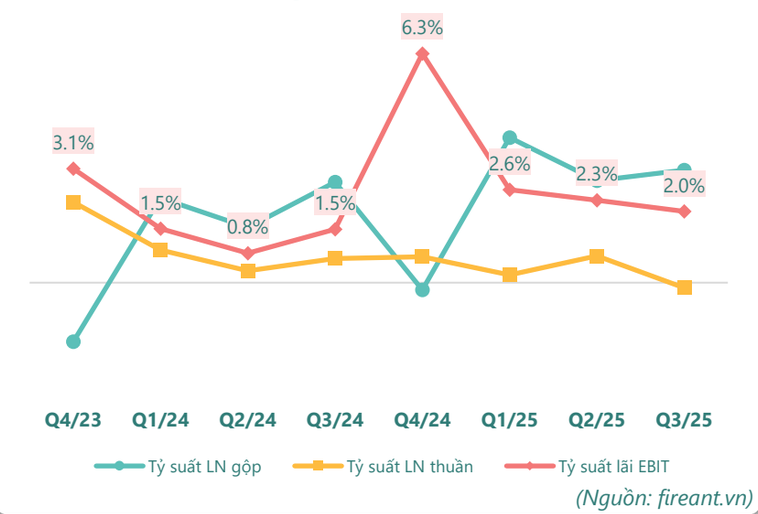
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



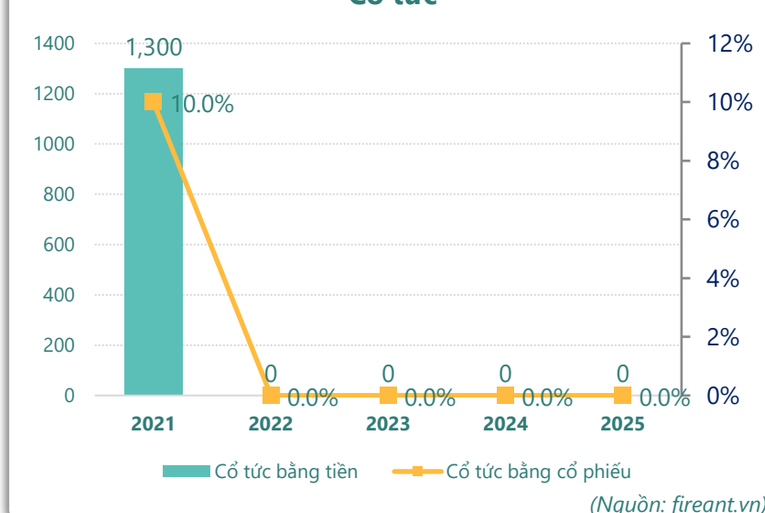
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

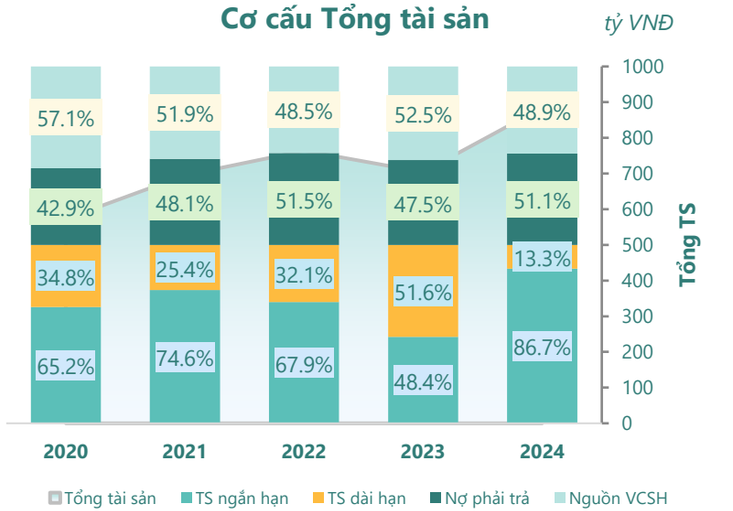
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

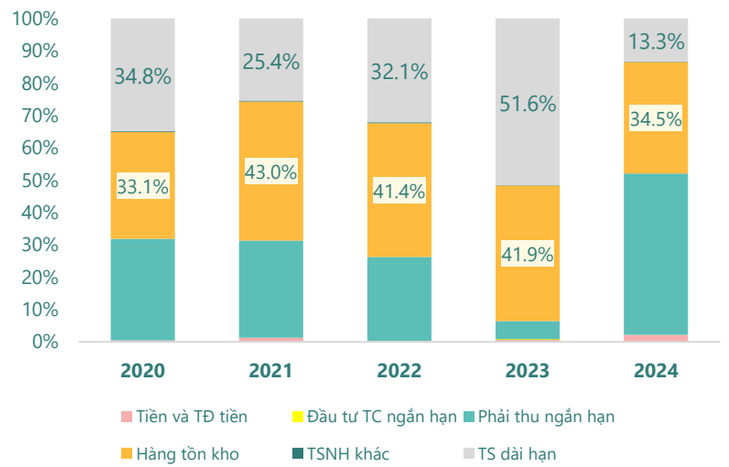
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



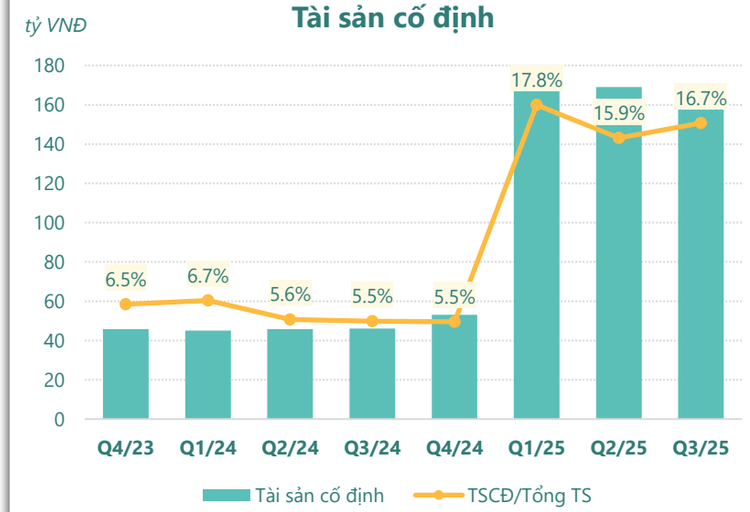
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



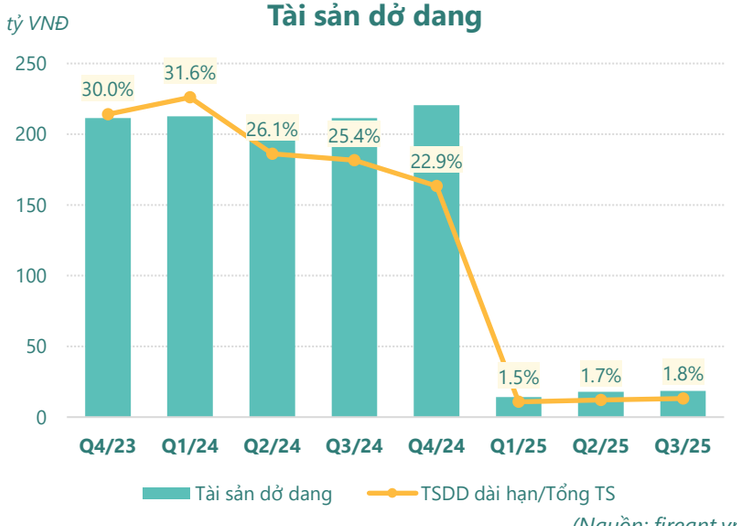
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



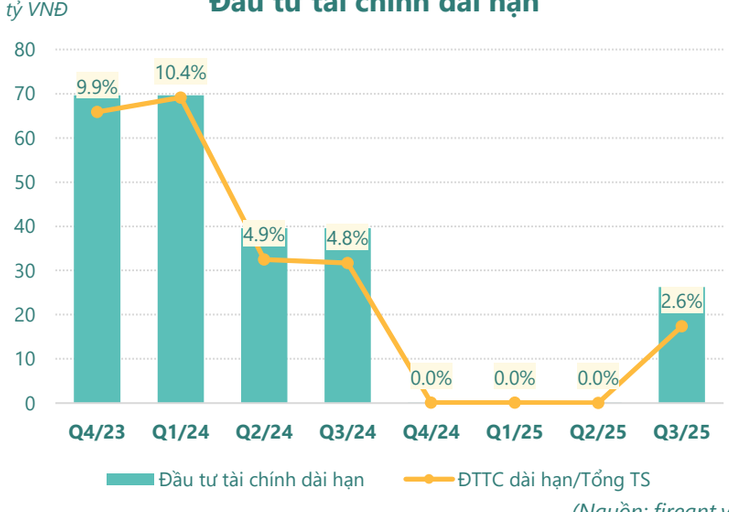
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



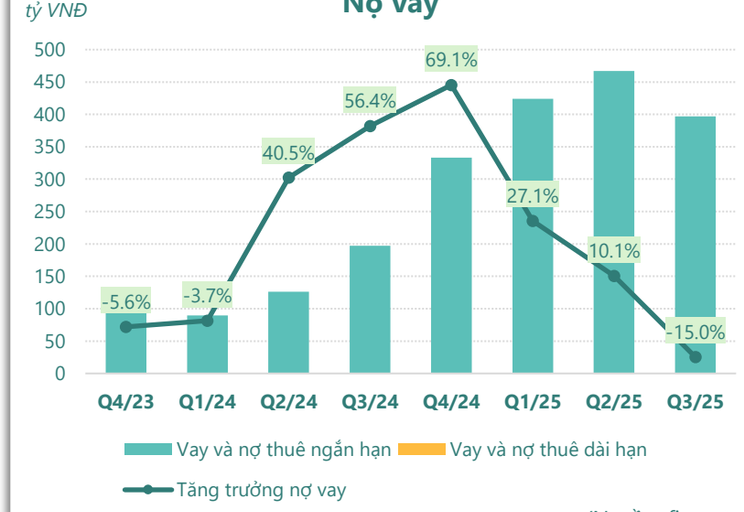
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

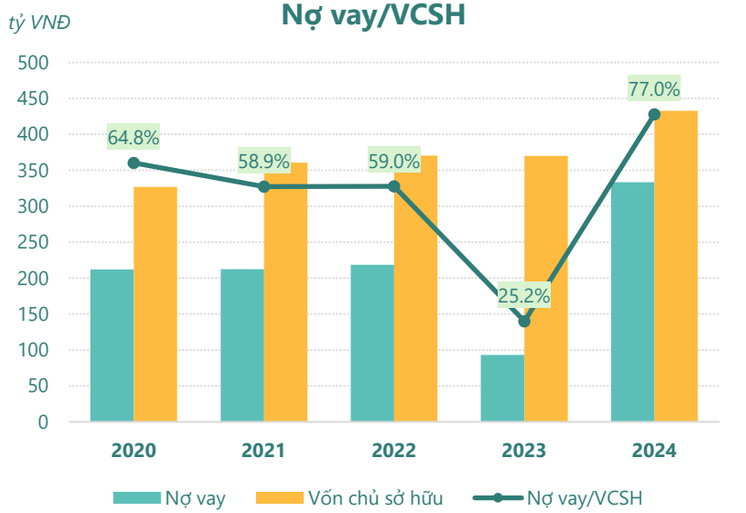
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

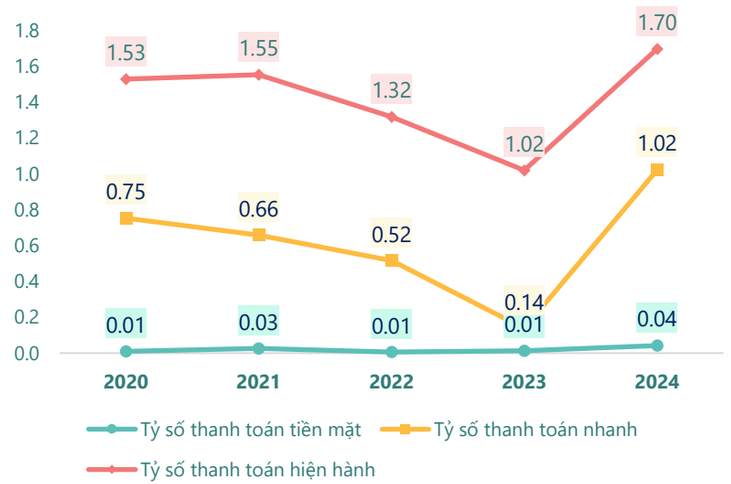
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



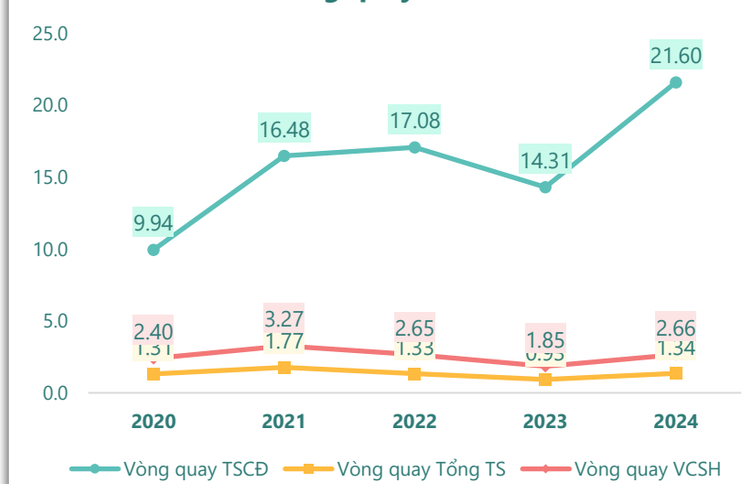
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



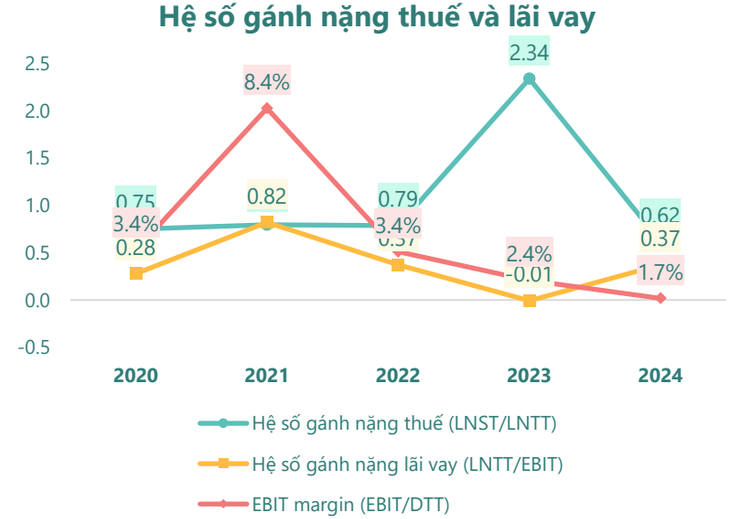
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



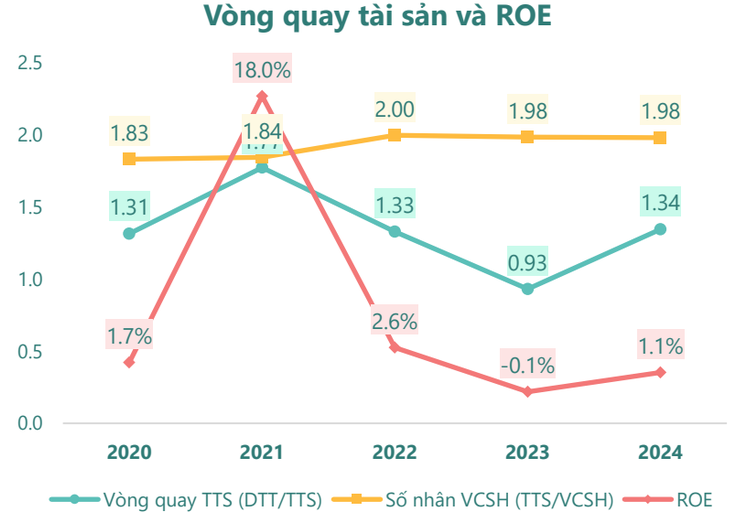
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



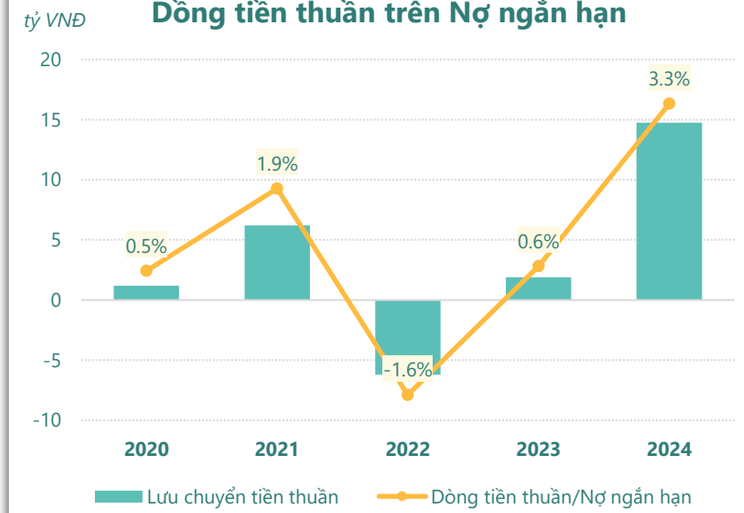
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**358**	**232**	**54.4%**	**1,205**	**813**	**48.3%**
Giá vốn hàng bán	347	225	54.3%	1,167	796	46.7%
Lợi nhuận gộp	11.1	6.42	73.1%	38.1	17.1	122%
Doanh thu HĐTC	0.91	0.00		2.50	0.02	11511%
Chi phí TC	8.29	2.77	199%	23.5	6.70	251%
Chi phí lãi vay	7.58	2.69	182%	22.7	6.28	262%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.58	0.55	5.5%	2.15	1.72	24.7%
Chi phí QLDN	**3.65**	**1.55**	**136%**	**10.6**	**3.98**	**167%**
LN thuần từ HĐKD	-0.51	1.55	-133%	4.36	4.74	-8.2%
Lợi nhuận khác	**-0.03**	**-0.83**	**96.7%**	**-0.03**	**-1.36**	**97.8%**
LN trước thuế	-0.54	0.72	-175%	4.33	3.39	27.7%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.11**	**0.41**	**-370%**	**0.66**	**2.22**	**-70.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.04**	**0.41**	**-109%**	**2.89**	**2.22**	**29.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-49.7	-62.2	-199	-95.5	123	3.70
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	24.6	-19.4	82.7	-5.52	-152	57.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	36.4	71.1	141	90.5	42.9	-69.8
Tiền đầu kỳ	0.93	12.1	1.71	19.1	8.51	22.6
Lưu chuyển tiền thuần	**11.2**	**-10.4**	**24.7**	**-10.5**	**14.1**	**-8.61**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.12	0	0.01	-0.01
Tiền cuối kỳ	12.1	1.71	26.5	8.51	22.6	14.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,009**	**885**	**14.0%**
Tài sản ngắn hạn	637	767	-16.9%
Tiền và tương đương tiền	14.0	19.1	-26.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	282	441	-36.1%
Hàng tồn kho	338	305	10.9%
Tài sản ngắn hạn khác	2.72	1.37	98.8%
Tài sản dài hạn	**372**	**118**	**215%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	169	53.1	218%
Bất động sản đầu tư	132	31.6	318%
Tài sản dở dang	18.5	11.4	62.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	26.3	0.10	26185%
Tài sản dài hạn khác	**7.00**	**1.21**	**480%**
Lợi thế thương mại	19.1	20.7	-7.7%
Nợ phải trả	579	452	28.1%
Nợ ngắn hạn	**578**	**452**	**28.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	397	333	19.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	167	108	54.4%
Nợ dài hạn	0.93	0.20	358%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**429**	**433**	**-0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**429**	**433**	**-0.8%**
Vốn điều lệ	280	280	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)